

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 26/11/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-001	21631138	Lê Thị Trường An	29/08/2003	Nữ	Long An	A2	B301
02	A2-002	21612111	Nguyễn Phi An	03/07/2003	Nam	Long An	A2	B301
03	A2-003	21641484	Phạm Vũ An	16/04/2003	Nam	Cà Mau	A2	B301
04	A2-004	21641722	Nguyễn Ngọc Khả Ân	27/03/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B301
05	A2-005	21641064	Đinh Thị Lan Anh	03/01/2003	Nữ	Khánh Hoà	A2	B301
06	A2-006	22631213	Lê Thị Phương Anh	13/11/2004	Nữ	Bình Phước	A2	B301
07	A2-007	21611113	Nguyễn Huỳnh Phương Anh	18/04/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B301
08	A2-008	21641809	Nguyễn Thuý Lan Anh	02/07/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B301
09	A2-009	21631113	Trần Thị Kim Anh	18/01/2003	Nữ	Đồng nai	A2	B301
10	A2-010	22641272	Nguyễn Thị Kim Ánh	20/09/2004	Nữ	Bình Định	A2	B301
11	A2-011	21611156	Phạm Ngọc Ánh	25/11/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B301
12	A2-012	20641066	Bùi Thị Phương Anh	27/01/1997	Nữ	Đắk Lắk	A2	B301
13	A2-013	21641561	Phạm Vân Anh	24/07/2003	Nữ	Thanh Hóa	A2	B301
14	A2-014	21611102	Vũ Trọng Bằng	08/06/2003	Nam	Đồng Nai	A2	B301
15	A2-015	22611132	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	26/03/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B301
16	A2-016	21631345	Trần Ngọc Mỹ Chi	23/09/2002	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B301
17	A2-017	21641702	Vũ Thị Mai Chi	12/03/2003	Nữ	Thanh Hóa	A2	B301
18	A2-018	21631005	Lê Thành Danh	21/02/2001	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B301
19	A2-019	22631320	Mai Thành Đạt	03/10/2004	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B301
20	A2-020	21631112	Phan Tiến Đạt	37042	Nam	Long An	A2	B301
21	A2-021	21641797	Nguyễn Thị Diệu	11/03/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B301
22	A2-022	21631148	Nguyễn Thị Mỹ Diệu	01/05/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B301
23	A2-023	22631199	ÂN THỊ MỸ DINH	04/05/2004	Nữ	LÂM ĐỒNG	A2	B301
24	A2-024	22631319	Cao Ngọc Thùy Dương	22/08/2004	Nữ	Long An	A2	B301
25	A2-025	22641784	Nguyễn Thị Thùy Dương	20/12/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B301
26	A2-026	22631521	Lê Nguyễn Thùy Dương	08/05/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B301
27	A2-027	21662031	Nguyễn Đặng Thanh Duy	23/11/2003	Nam	Bình Thuận	A2	B301
28	A2-028	21641018	Nguyễn Gia Khánh Duy	01/12/2001	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B301
29	A2-029	22612116	Nguyễn Ngọc Thùy Duyên	12/03/2004	Nữ	Khánh Hòa	A2	B301
30	A2-030	22611140	Nguyễn Phương Lâm Duyên	09/05/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B301

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 26/11/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-031	22641111	Hà Bội Gia	16/01/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
02	A2-032	21641672	Đỗ Thị Mỹ Hà	26/05/2003	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B302
03	A2-033	22631129	Lê Thị Mỹ Hà	20/07/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B302
04	A2-034	21631429	Hồ Lê Gia Hân	11/02/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
05	A2-035	21612075	Phan Thị Gia Hân	19/10/2003	Nữ	Long An	A2	B302
06	A2-036	21631183	Nguyễn Thị Thuý Hằng	18/07/2003	Nữ	Long An	A2	B302
07	A2-037	19631179	Nguyễn Thị Thu Hằng	25/10/2001	Nữ	Gia lai	A2	B302
08	A2-038	22631360	Trần Ngọc Mỹ Hạnh	30/09/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
09	A2-039	22641078	Thiệu Vĩ Hào	37692	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
10	A2-040	21641108	Trần Thiên Hào	04/12/2003	Nữ	Khánh Hoà	A2	B302
11	A2-041	23631350	Trịnh Chí Hào	22/11/2004	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
12	A2-042	22641097	Lê Hồng Như Hào	19/02/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
13	A2-043	21641571	Trần Kiên Hào	09/06/2002	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
14	A2-044	22631468	Võ Phúc Hậu	38067	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
15	A2-045	2.117E+09	Nguyễn Thị Hiền	21/07/1999	Nữ	Đắk Lắk	A2	B302
16	A2-046	21612222	Hồ Phú Hiện	17/10/2003	Nam	Cà Mau	A2	B302
17	A2-047	22641200	Nguyễn Hồ Hoàng Hiệp	04/03/2004	Nam	Phú Yên	A2	B302
18	A2-048	22611106	Lê Thị Kim Hương	28/06/2002	Nữ	TP. Cần Thơ	A2	B302
19	A2-049	21631395	Lưu Đoàn Xuân Hương	16/01/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
20	A2-050	21635107	Nguyễn Thị Thu Hương	37819	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
21	A2-051	21641505	Khuru Quang Huy	25/01/2003	Nam	Trà Vinh	A2	B302
22	A2-052	21641505	Khuru Quang Huy	25/01/2003	Nam	Trà Vinh	A2	B302
23	A2-053	21631071	Huỳnh Thị Diễm Huyền	01/11/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
24	A2-054	21681028	Bùi Thị Thu Huyền	22/08/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
25	A2-055	22612012	Phạm Thị Minh Huyền	26/08/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
26	A2-056	21631241	Trần Khánh Huyền	14/12/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B302
27	A2-057	21612064	Phạm Nguyễn Như Huỳnh	37790	Nữ	Long An	A2	B302
28	A2-058	21681005	Lý Vĩnh Khang	10/05/2003	Nam	Trà Vinh	A2	B302
29	A2-059	21641538	Phạm Quốc Khánh	02/09/2002	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
30	A2-060	22641414	Dương Minh Khánh	02/09/2004	Nữ	Bình Thuận	A2	B302

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 26/11/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-061	22611102	Đặng Thị Yến Khoa	21/04/2004	Nữ	Long An	A2	B303
02	A2-062	21641229	Trần Đăng Khoa	14/07/2003	Nam	Ninh Thuận	A2	B303
03	A2-063	21631143	Chuong Tuấn Kiệt	04/05/2003	Nam	An Giang	A2	B303
04	A2-064	21612066	Nguyễn Thị Mộng Kiều	02/11/2003	Nữ	Long An	A2	B303
05	A2-065	22641760	Võ Thị Thanh Kiều	06/10/2001	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
06	A2-066	19641600	Phan Thị Thu Kiều	01/01/2001	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
07	A2-067	21631432	Nguyễn Thy Kỳ	24/11/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
08	A2-068	19641856	Hồ Lai	04/10/2001	Nữ	Phú Yên	A2	B303
09	A2-069	21612079	Phạm Thị Hương Lan	23/02/2003	Nữ	Thanh Hóa	A2	B303
10	A2-070	22671022	Phong Lan	21/09/2004	Nữ	Đắk Lắk	A2	B303
11	A2-071	21641653	Nguyễn Thị Xuân Lan	11/12/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
12	A2-072	21631011	Chu Thị Nhật Lệ	08/08/1998	Nữ	Bình Phước	A2	B303
13	A2-073	21641589	Nguyễn thị Liễu	26/02/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
14	A2-074	21641347	Đỗ Huỳnh Trúc Linh	27/07/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
15	A2-075	21631156	Hoàng Thị Mỹ Linh	06/01/2003	Nữ	Gia Lai	A2	B303
16	A2-076	22631189	Lê Thị Phương Linh	38270	Nữ	Bình Thuận	A2	B303
17	A2-077	22611112	Nguyễn Thảo Linh Linh	07/11/2004	Nữ	Long An	A2	B303
18	A2-078	22641379	Nguyễn Thị Linh	20/02/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
19	A2-079	21641209	Nguyễn Thị Phương Linh	11/12/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B303
20	A2-080	21641679	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	02/06/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
21	A2-081	22631321	Tăng Thuỳ Linh	30/08/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
22	A2-082	21651006	Trần Ngọc Linh	28/05/2003	Nữ	Hà Nam	A2	B303
23	A2-083	21651017	Trần Thị Nhã Linh	06/03/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
24	A2-084	21631104	Nguyễn Thị Kim Loan	09/10/2003	Nữ	Khánh Hòa	A2	B303
25	A2-085	21631303	Phạm Thị Hồng Loan	19/01/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
26	A2-086	20611005	Phạm Hoàng Long	27/06/2000	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
27	A2-087	21631210	Nguyễn Minh Luân	29/03/2003	Nam	Bình Dương	A2	B303
28	A2-088	22641154	Cao Thị Thảo Ly	06/03/2004	Nữ	Bình Phước	A2	B303
29	A2-089	22631491	Nguyễn Thị Tuyết Mai	21/10/2004	Nữ	Tây Ninh	A2	B303

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 26/11/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-090	20641060	Lê Minh Mẫn	04/11/2000	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
02	A2-091	21634030	Trần Kiều Mi	18/04/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
03	A2-092	20682062	Lê Thị Thuỳ Mị	07/09/2002	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
04	A2-093	21641454	Nguyễn Trà My	29/11/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
05	A2-094	22641397	Nguyễn Thị Kim Ngà	13/05/2004	Nữ	Long An	A2	B304
06	A2-095	21631126	Đào Thị Thanh Ngân	01/04/2002	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
07	A2-096	19641708	Hồ Nguyễn Hồng Ngân	06/09/2001	Nữ	Long An	A2	B304
08	A2-097	21641045	Lại Ngọc Kim Ngân	18/12/2000	Nữ	Bình Dương	A2	B304
09	A2-098	20682037	Lê Đặng Kim Ngân	16/11/2002	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
10	A2-099	22612031	Lê Thị Thanh Ngân	07/12/2004	Nữ	Long An	A2	B304
11	A2-100	22631327	Nguyễn Thị Thanh Ngân	17/10/2004	Nữ	Long An	A2	B304
12	A2-101	22641203	Phạm Tô Thu Ngân	19/07/2003	Nữ	Đồng Tháp	A2	B304
13	A2-102	22682019	Võ Lê Kim Ngân	24/03/2001	Nữ	Tiền Giang	A2	B304
14	A2-103	22641605	Trương Dương Kim Ngân	21/08/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
15	A2-104	21612094	Nguyễn Thị Phương Nghi	20/11/2003	Nữ	Long An	A2	B304
16	A2-105	22631302	Đặng Thị Hồng Ngọc	25/12/2004	Nữ	Gia Lai	A2	B304
17	A2-106	19631272	Đường Thị Bảo Ngọc	02/02/2001	Nữ	Ninh Thuận	A2	B304
18	A2-107	22641023	Mai Thị Ngọc	10/04/2000	Nữ	Bình Phước	A2	B304
19	A2-108	23641219	Nguyễn Thanh Ngọc	09/12/2005	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
20	A2-109	21631373	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	28/06/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
21	A2-110	21641499	Nguyễn Thị Như Ngọc	06/03/2003	Nữ	Long An	A2	B304
22	A2-111	21631073	Trần Thị Thanh Nhã	16/12/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
23	A2-112	21612184	Trần Thị Thanh Nhân	31/12/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B304
24	A2-113	20641055	Nguyễn Ngọc Nhân	26/04/2001	Nam	Bến Tre	A2	B304
25	A2-114	22641206	Trần Đại Nhân	15/08/2004	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
26	A2-115	21635091	Trương Minh Nhân	01/09/2003	Nam	Đồng Nai	A2	B304
27	A2-116	21611129	Huỳnh Thị Yến Nhi	21/01/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
28	A2-117	20611131	Mã Thúy Nhi	31/10/2002	Nữ	Tiền giang	A2	B304
29	A2-118	21631101	Nguyễn Hà Nhi	31/10/1995	Nữ	Gia Lai	A2	B304

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 26/11/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-119	21641687	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	02/06/2003	Nữ	Đồng Tháp	A2	B305
02	A2-120	22611116	Nguyễn Thị Uyên Nhi	29/09/2001	Nữ	Vĩnh Long	A2	B305
03	A2-121	22631519	Nguyễn Thị Yên Nhi	18/10/2004	Nữ	Bến Tre	A2	B305
04	A2-122	22631197	Trần Ái Nhi	27/02/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B305
05	A2-123	21641636	Bùi Quỳnh Như	12/05/1999	Nữ	Khánh Hoà	A2	B305
06	A2-124	21631087	Huỳnh Lê Ngọc Như	07/07/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B305
07	A2-125	21631504	Lê Thị Bích Như	28/02/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B305
08	A2-126	23600193	Nguyễn Quỳnh Tâm Như	21/07/2005	Nữ	Gia Lai	A2	B305
09	A2-127	21635048	Nguyễn Thị Huyền Nhung	14/12/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B305
10	A2-128	22641816	Tôn Minh Nhựt	22/08/2004	Nam	An Giang	A2	B305
11	A2-129	19631199	Đào Thị Kim Oanh	03/12/2001	Nữ	Ninh Thuận	A2	B305
12	A2-130	20641021	Lê Thị Lâm Oanh	11/03/2001	Nữ	Hà Tĩnh	A2	B305
13	A2-131	21641282	Phùng Thị Kim Oanh Oanh	17/09/2003	Nữ	Ninh thuận	A2	B305
14	A2-132	22631117	Nguyễn Hoàng Oanh	26/04/2003	Nữ	Long An	A2	B305
15	A2-133	21661087	Huỳnh Xuân Phát	01/12/2003	Nam	Quảng Ngãi	A2	B305
16	A2-134	22641818	Nguyễn Thành Phát	23/07/2004	Nam	Đồng Tháp	A2	B305
17	A2-135	21641233	Huỳnh Trung Phúc	26/07/2003	Nam	Đồng Tháp	A2	B305
18	A2-136	21641310	Đặng Mai Phương	23/09/2003	Nữ	Bình Dương	A2	B305
19	A2-137	22612105	Nguyễn Phi Khánh Phương	16/07/2002	Nữ	Khánh Hòa	A2	B305
20	A2-138	22612014	Phạm Thu Phương	16/07/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B305
21	A2-139	21641355	Nguyễn Thị Diễm Phương	28/11/2003	Nữ	Quảng Nam	A2	B305
22	A2-140	22641062	Nhan Việt Quân	31/10/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B305
23	A2-141	22631229	Nguyễn Thị Kim Quý	18/06/2004	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B305
24	A2-142	19641599	Trịnh Phú Quý	17/12/2001	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B305
25	A2-143	22641629	Bùi Lan Quy	4/10/2004	Nữ	Đồng tháp	A2	B305
26	A2-144	21631128	Nguyễn Bảo Quyên	13/11/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B305
27	A2-145	22612016	Trần Ngọc Kim Quyên	11/07/2004	Nữ	Long An	A2	B305
28	A2-146	22631301	Trương Hoàng Khánh Quyên	04/01/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B305
29	A2-147	22631301	Trương Hoàng Khánh Quyên	04/01/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B305

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 26/11/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-148	22631128	Trương Đình Quyền	17/10/2004	Nam	Bình Thuận	A2	B306
02	A2-149	21641012	Trần Thị Ngọc Quỳnh	12/11/2002	Nữ	Ninh Thuận	A2	B306
03	A2-150	21631065	Trịnh Khánh Quỳnh	11/07/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
04	A2-151	22641617	Đặng Dương Băng Tâm	15/05/2004	Nữ	Lâm Đồng	A2	B306
05	A2-152	21631383	Kiều Thị Thu Tâm	16/12/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B306
06	A2-153	23600027	Nguyễn Kiều Thiên Tâm	28/07/2002	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B306
07	A2-154	21662011	Phạm Nhật Tân	02/11/2003	Nam	Bình Thuận	A2	B306
08	A2-155	21671021	Nguyễn Thị Thắm	07/02/2003	Nữ	Đắk Nông	A2	B306
09	A2-156	21662028	Trần Nguyễn Minh Thăng	17/11/2003	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B306
10	A2-157	21612020	Hà Diệu Thanh Thanh	23/01/2003	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B306
11	A2-158	21641798	Phan Nguyễn Quốc Thành	06/03/2003	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B306
12	A2-159	22641785	Bùi Thị Phương Thảo	31/01/2004	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B306
13	A2-160	22671021	Hoàng Thị Phương Thảo	20/01/2004	Nữ	Thanh Hóa	A2	B306
14	A2-161	21631446	Lê Huỳnh Phương Thảo	11/12/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B306
15	A2-162	21634019	Lê Thị Phương Thảo	24/05/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B306
16	A2-163	21631078	Nguyễn Thị Thu Thảo	10/12/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B306
17	A2-164	22611069	Thạch Thị Thanh Thảo	06/04/2002	Nữ	Đồng Tháp	A2	B306
18	A2-165	21612087	Nguyễn Phương Thảo	19/08/2002	Nữ	Bình dương	A2	B306
19	A2-166	21631443	Hà Thị Thơ	22/02/2003	Nữ	Long An	A2	B306
20	A2-167	21631131	Bùi Thị Minh Thơ	06/12/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
21	A2-168	2.117E+09	Nguyễn Thị Cẩm Thu	16/12/1997	Nữ	Đồng Nai	A2	B306
22	A2-169	21641368	Đặng Trần Anh Thư	05/06/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B306
23	A2-170	21612186	Đỗ Thị Minh Thư	01/01/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B306
24	A2-171	21612069	Huỳnh Anh Thư	17/11/2003	Nữ	Vĩnh Long	A2	B306
25	A2-172	22682024	Nguyễn Ngọc Mai Thư	13/08/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B306
26	A2-173	21631076	Phạm Thị Minh Thư	16/10/2003	Nữ	Long An	A2	B306
27	A2-174	21631170	Bùi Thị Hiền Thực	28/12/2003	Nữ	Bình Dương	A2	B306
28	A2-175	22641018	Nguyễn Ngọc Thương	09/03/2001	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B306
29	A2-176	21641851	Trần Minh Thùy	26/10/2003	Nữ	Tây Ninh	A2	B306

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 26/11/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-177	22631428	Nguyễn Thị Minh Thy	30/04/2004	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B802
02	A2-178	21641422	Nguyễn Võ Minh Thy	20/11/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B802
03	A2-179	21641345	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	13/10/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B802
04	A2-180	21641817	Trần Thị Thanh Tiên	16/12/2003	Nữ	Bà Rịa- Vũng Tàu	A2	B802
05	A2-181	22641285	Bùi Thị Ngọc Tiên	38302	Nữ	Bến Tre	A2	B802
06	A2-182	21631125	Lê Thị Thanh Toàn	16/11/2003	Nữ	Bình Thuận	A2	B802
07	A2-183	22631502	Đồng Thị Hoa Trâm	13/08/2004	Nữ	Trà Vinh	A2	B802
08	A2-184	21631228	Huỳnh Thị Bảo Trâm	02/10/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B802
09	A2-185	21641385	Nguyễn Bảo Trâm	01/05/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B802
10	A2-186	22631159	Phạm Ngọc Trâm	09/08/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B802
11	A2-187	20641073	Phạm Ngọc Trâm	27/08/2002	Nữ	Bạc Liêu	A2	B802
12	A2-188	21631141	Lý Bảo Trâm	18/08/2003	Nữ	Tiền giang	A2	B802
13	A2-189	21641379	Đoàn Ngọc Bảo Trâm	11/11/2003	Nữ	Tiền Giang	A2	B802
14	A2-190	22641009	Nguyễn Bảo Trần Ngọc Trâm	11/08/2001	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B802
15	A2-191	2.117E+09	Bùi Thị Mỹ Trang	18/10/1999	Nữ	Bình Định	A2	B802
16	A2-192	21641772	Đỗ Thị Thu Trang	22/05/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B802
17	A2-193	22641135	Đoàn Thị Thùy Trang	06/07/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B802
18	A2-194	21641524	Nguyễn Thị Thùy Trang	10/04/2003	Nữ	Long An	A2	B802
19	A2-195	21641836	Phạm Thị Trang	19/01/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B802
20	A2-196	22641068	Phạm Thị Thùy Trang	25/06/2003	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B802
21	A2-197	21631468	Trần Thị Thuỳ Trang	28/08/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B802
22	A2-198	22641622	Trịnh Thị Bích Trang	27/03/2003	Nữ	Bình Phước	A2	B802
23	A2-199	20641084	Lê Duy Ngọc Trí	26/12/2002	Nam	Bến Tre	A2	B802
24	A2-200	21641263	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	05/02/2003	Nữ	Long An	A2	B802
25	A2-201	21631243	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	16/02/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B802
26	A2-202	21611162	Nguyễn Thu Trinh	37676	Nữ	Bình Thuận	A2	B802
27	A2-203	22641187	Nguyễn Thanh Trúc	20/08/2023	Nữ	Tây ninh	A2	B802
28	A2-204	21681014	Trương Thị Ngọc Tú	05/07/2002	Nữ	Thừa Thiên Huế	A2	B802
29	A2-205	21641556	Trần Huỳnh Thanh Tuấn	23/06/2003	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B802

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 26/11/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
01	A2-206	22631474	Võ Cát Tường	20/10/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B804
02	A2-207	21641107	Nguyễn Kim Tuyền	05/12/2003	Nữ	Đồng Tháp	A2	B804
03	A2-208	21631385	Nguyễn Trọng Tuyền	22/08/2003	Nam	Đồng Nai	A2	B804
04	A2-209	21641361	Bùi Thanh Tuyền	05/03/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B804
05	A2-210	21651014	Nguyễn Mộng Tuyền	21/02/2003	Nữ	Long An	A2	B804
06	A2-211	21681011	Huỳnh Nguyễn Bích Tuyền	23/02/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B804
07	A2-212	22631313	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	02/03/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B804
08	A2-213	21611094	Lê Nguyễn Phương Uyên	02/12/2003	Nữ	Đồng Nai	A2	B804
09	A2-214	21611154	Nguyễn Mai Kỳ Uyên	16/02/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B804
10	A2-215	22641450	Nguyễn Ngọc Như Uyên	26/01/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B804
11	A2-216	21611233	Thái Hà Mỹ Uyên	05/10/1999	Nữ	Tiền Giang	A2	B804
12	A2-217	22631346	Trần Thị Nhã Uyên	25/07/2004	Nữ	Bạc Liêu	A2	B804
13	A2-218	21631366	Võ Thị Uyên	13/05/2003	Nữ	Hà Tĩnh	A2	B804
14	A2-219	22682025	Lê Thị Hồng Vân	20/09/2004	Nữ	Bình Phước	A2	B804
15	A2-220	22631514	Nguyễn Phan Tường Vân	16/10/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B804
16	A2-221	21631134	Trần Cẩm Vân	07/11/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B804
17	A2-222	22631168	Trương Hoàn Vân	19/9/2004	Nữ	Ninh Thuận	A2	B804
18	A2-223	21611068	Huỳnh thị kiều Vi	29/08/2003	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B804
19	A2-224	22682017	Lê Thị Tường Vi	14/11/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B804
20	A2-225	21641151	Nguyễn Kiều Vi	01/09/2003	Nữ	Đắk Lắk	A2	B804
21	A2-226	22611087	Nguyễn Văn Vũ	02/01/2001	Nam	Tây Ninh	A2	B804
22	A2-227	20612153	Lê Thị Vui	25/12/2000	Nữ	Bình Định	A2	B804
23	A2-228	22641093	Bùi Thị Thuý Vy	30/04/2004	Nữ	Đồng Nai	A2	B804
24	A2-229	21641211	Đặng Huỳnh Thanh Vy	19/06/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B804
25	A2-230	22631222	Đỗ Ngọc Thúy Vy	01/04/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B804
26	A2-231	22631602	Lê Tường Vy	05/09/2004	Nữ	Tiền Giang	A2	B804
27	A2-232	22641372	Ngô Trần Yên Vy	22/12/2002	Nữ	Đồng Tháp	A2	B804
28	A2-233	21641419	Trần Triệu Vy	24/09/2003	Nữ	Bến Tre	A2	B804
29	A2-234	22641817	Trần Lê Thu Xuân	14/06/2004	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B804

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.

Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
HỘI ĐỒNG THI ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ - NĂM 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THI NĂNG LỰC CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ (TIẾNG ANH)

Khóa thi ngày: 26/11/2023

TT	SBD	MSSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng
235	B1-01	22613100	Lê Nguyễn Thúy Diễm	21/10/2004	Nữ	Long An	B1	B807
236	B1-02	22613029	Phạm Thị Mỹ Lan	17/09/2003	Nữ	Bình Định	B1	B807
237	B1-03	21612073	Huỳnh Thị Yến Linh	37807	Nữ	Quảng Ngãi	B1	B807
238	B1-04	21612021	Lưu Trần Ngọc Lưu Ly	01/09/2003	Nữ	Bình Thuận	B1	B807
239	B1-05	20613166	Phan Châu Chung Nam	06/05/2001	Nam	TP.Hồ Chí Minh	B1	B807
240	B1-06	21612031	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	24/07/2003	Nữ	Kiên Giang	B1	B807
241	B1-07	21612053	Lê Thị Hồng Nhi	03/04/2003	Nữ	Đồng Nai	B1	B807
242	B1-08	19635096	Nguyễn Hoàng Kim Như	07/01/2000	Nữ	Kiên Giang	B1	B807
243	B1-09	19691322	Nguyễn Thị Thủy Tiên	13/07/2001	Nữ	Ninh Thuận	B1	B807
244	B1-10	21641475	Nguyễn Thị Cẩm Tú	08/02/2002	Nữ	Bến Tre	B1	B807
245	B2-01	21621065	Huỳnh Khánh Băng	37809	Nữ	Sóc Trăng	B2	B807
246	B2-02	21621157	Nguyễn Thị Cẩm Diễm	24/01/2003	Nữ	Tiền Giang	B2	B807
247	B2-03	20621031	Hoàng Nguyễn Anh Dũng	25/08/1999	Nam	Đồng Nai	B2	B807
248	B2-04	21621062	Huỳnh Thị Ngọc Hân	18/08/2003	Nữ	Bến Tre	B2	B807
249	B2-05	22631473	Võ Thị Mỹ Hạnh	23/08/2004	Nữ	Tiền Giang	B2	B807
250	B2-06	20621204	Nguyễn Thị Kiều My	03/12/2001	Nữ	Bình Thuận	B2	B807
251	B2-07	21621172	Lê Thị Thanh Ngân	19/08/2003	Nữ	Vĩnh Long	B2	B807
252	B2-08	21621031	Nguyễn Thị Thuý Ngàn	37725	Nữ	Quảng Ngãi	B2	B807
253	B2-09	21621145	Vũ Minh Ngọc	19/06/2003	Nữ	Đồng Nai	B2	B807
254	B2-10	21621148	Phạm Thị Thảo Nguyên	25/03/2003	Nữ	Kiên Giang	B2	B807
255	B2-11	21621050	Nguyễn Quỳnh Như	09/03/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	B2	B807
256	B2-12	20621240	Trần Quỳnh Như	11/03/2002	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	B2	B807
257	B2-13	21621058	Nguyễn Phi Phụng	29/10/2003	Nữ	Cần Thơ	B2	B807
258	B2-14	21621167	Nguyễn Thị Kim Sinh	04/01/2003	Nữ	Bình Định	B2	B807
259	B2-15	21621068	Lê Thị Hồng Thắm	15/10/2023	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	B2	B807
260	B2-16	19621275	Võ Thanh Thảo	26/04/2001	Nữ	Long An	B2	B807
261	B2-17	22612022	Nguyễn Hoàng Minh Thuận	38020	Nam	Tiền Giang	B2	B807
262	B2-18	21621104	Nguyễn Lâm Thuận	27/05/2003	Nam	Long An	B2	B807
263	B2-19	20621001	Nguyễn Hoàng Thanh Thùy	36137	Nữ	Đồng Nai	B2	B807
264	B2-20	20621049	Đỗ Nguyễn Khánh Vân	36530	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	B2	B807
265	B2-21	21631214	Phạm Thị Thê Xuyên	25/02/2003	Nữ	Đồng Nai	B2	B807

Ghi chú: Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; Giới tính; Nơi sinh.
Nếu có điều chỉnh, Thí sinh liên hệ CBCT điều chỉnh ngay trong ngày thi.